

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là *Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị*);

Thực hiện Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Thực hiện Quyết định số 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 83-KH/TU ngày 13/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông (sau đây gọi tắt là *Kế hoạch số 83-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 83-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương nhằm tạo chuyển biến căn bản trong công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và phân luồng học sinh.

2. Yêu cầu

Triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 83-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy phải nghiêm túc, đồng bộ, tránh hình thức; đảm bảo các chỉ tiêu đề ra phải sát với thực tế của từng địa phương, đơn vị; huy động sự vào cuộc của các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội tích cực tham gia công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; trong quá trình thực hiện phải thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, giải pháp thực hiện của từng cơ quan, đơn vị và địa phương; chú trọng công tác kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, hạn chế phát sinh trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông tại từng cơ quan, đơn vị và địa phương.

II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

1. Phổ cập giáo dục mầm non: Tiếp tục duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ đến trường đạt trên 40%; trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đạt trên 99%.

2. Phổ cập giáo dục tiểu học: Duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục phổ cập tiểu học mức độ 2, phấn đấu tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; trên 95% trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.

3. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở (THCS): Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS, phấn đấu tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS từ mức độ 2 trở lên; hoàn thành giáo dục bắt buộc hết THCS; phấn đấu có từ 70% đến 80% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông (THPT) và tương đương, trong đó giáo dục THPT đạt tối thiểu 60%.

4. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học: Phấn đấu có trên 73% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia từ mức độ 1 trở lên; trên 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia từ mức độ 1 trở lên; xây dựng Trường Cao đẳng Tuyên Quang đạt chuẩn quốc gia, đáp ứng tiêu chí trường Cao đẳng chất lượng cao.

5. Xóa mù chữ: Phấn đấu tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 đến 60 đạt trên 99%; trong đó tỷ lệ người biết chữ mức độ 1 trong độ tuổi từ 15 đến 60 ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt trên 98% và 100% người trong độ tuổi 15 đến 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 1. Tỉnh đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

6. Công tác phân luồng: Phấn đấu 100% học sinh THCS và THPT được tiếp cận các dịch vụ hướng nghiệp và tư vấn nghề nghiệp. Tỷ lệ chuyển cấp từ THCS lên THPT và trình độ khác đạt 98% trở lên. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau THPT đạt 50%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu quả quản lý nhà nước

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước để bảo đảm tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông; tăng cường nguồn lực, bảo đảm ngân sách để hoàn thành các mục tiêu về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, ưu tiên phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi.

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo từ tỉnh đến cơ sở; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý nghiêm vi phạm.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh phân cấp, tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo trong việc quyết định biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành giáo dục theo quy định của cấp có thẩm quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục gắn với kiểm tra, giám sát hiệu quả; giảm đầu mối cơ quan quản lý đối với các cơ sở giáo dục, bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính. Chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện, đồng thời tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc và xóa mù chữ cho người lớn vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để triển khai thực hiện.

- Bảo đảm chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo đạt tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước, trong đó phân bổ chi đầu tư đạt ít nhất 5% tổng chi ngân sách nhà nước.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Xây dựng hệ thống giáo dục mở, liên thông, thúc đẩy học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

- Đổi mới công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, các lực lượng xã hội về tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đa dạng hoá công tác tuyên truyền, vận động thông qua các hình thức thiết thực, phù hợp với từng đối tượng, nhất là đối với người học và gia đình; tăng cường sự tham gia của các cơ quan truyền thông đại chúng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội, Internet. Kịp thời biểu dương những cá nhân, những đơn vị có nhiều đóng góp tích cực và có kết quả cao trong công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh.

3. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; thực hiện tốt chủ trương đổi mới chính sách tiền lương

- Thực hiện tốt chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục nghề nghiệp theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, tiếp cận chuẩn các nước tiên tiến. Chú trọng việc rèn luyện, nâng cao phẩm chất, tư tưởng, đạo đức, năng lực sư phạm cho đội ngũ giáo viên; nâng cao chất lượng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục gắn với quy hoạch nhân lực ngành Giáo dục. Thực hiện tốt việc liên kết giữa trường sư phạm với địa phương trong xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp học; bảo đảm phân bổ hợp lý về số lượng, cân đối về cơ cấu trong tổng số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ giữa các cấp học, các đơn vị trường học, các môn học.

- Thực hiện chính sách tiền lương, đãi ngộ, thu hút, khuyến khích, ưu đãi đối với giáo viên theo quy định hiện hành. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách của tỉnh nhằm thu hút nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn giỏi, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc làm việc, gắn bó lâu dài tại tỉnh, chính sách hỗ trợ đào tạo nâng cao trình độ đối với viên chức ngành giáo dục.

- Thực hiện công tác tuyển dụng, tiếp nhận viên chức ngành giáo dục bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định; chú trọng lựa chọn đội ngũ nhà giáo có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

4. Củng cố bền vững kết quả phổ cập giáo dục các cấp học; đẩy mạnh công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm mọi công dân trong độ tuổi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ học tập, hoàn thành phổ cập giáo dục và giáo dục bắt buộc. Trong công tác xóa mù chữ cho người lớn, cần chuyển từ việc mở rộng quy mô đơn thuần sang nâng cao chất lượng, chú trọng trang bị kiến thức và kỹ năng thiết yếu cho người mới biết chữ. Duy trì và nâng cao tính bền vững đối với kết quả xóa mù chữ, tập trung xóa mù chữ chức năng (*khắc phục tình trạng trình độ, kỹ năng đọc, viết, tính toán chưa đáp ứng được yêu cầu của hoạt động lao động - nghề nghiệp*); chống tái mù chữ và bảo đảm kết quả đạt được là bền vững.

- Tăng cường tư vấn hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng, điều kiện thực tế và tạo cơ hội tiếp tục học tập; tạo điều kiện cho người trong độ tuổi lao động có thể tự tạo việc làm hoặc chuyển đổi nghề nghiệp, thích ứng với những thay đổi của xã hội; đồng thời, phát triển hệ thống giáo dục mở để tạo cơ hội học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập, góp phần đào tạo nguồn nhân lực, cân đối cơ cấu ngành nghề, phát triển giáo dục gắn với kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

5. Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Tiếp tục hoàn thiện mạng lưới trường, lớp, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp theo hướng tinh gọn, chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá gắn với quy hoạch hệ thống giáo dục quốc dân, quy hoạch tỉnh, ngành, địa phương. Đặc biệt quan tâm phát triển mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trường phổ thông nội trú liên cấp tiểu học và THCS tại các xã biên giới, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú và quy hoạch, sắp xếp hợp lý điểm trường, lớp học ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm Giáo dục thường xuyên, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng dạy và học, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho thị trường lao động, đồng thời giữ vững vai trò nòng cốt trong việc đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân. Phấn đấu đến năm 2030, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn đạt chuẩn về cơ sở vật chất, đội ngũ và chương trình đào tạo, thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật trong giai đoạn mới.

- Ưu tiên dành quỹ đất, tập trung giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng mới, mở rộng trường, lớp học, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục của địa phương. Ưu tiên dành trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sáp nhập cấp xã hoặc sắp xếp bộ máy để chuyển đổi công năng thành cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật. Khuyến khích và áp dụng hình thức cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với các cơ sở giáo dục tự thực nhằm huy động tối đa các nguồn lực xã hội.

- Củng cố, phát triển bền vững mạng lưới các cơ sở giáo dục thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu học tập liên tục, suốt đời của mọi tầng lớp nhân dân. Trong đó, tập trung củng cố và phát triển bền vững mô hình Trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, phường để triển khai các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng thiết yếu phục vụ phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn (*bao gồm kỹ thuật, công nghệ, y tế, sức khỏe cộng đồng, chính trị, pháp luật, văn hóa,...*). Đồng thời, đa dạng hóa và phát triển các trung tâm chuyên biệt thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên, như trung tâm tin học, trung tâm ngoại ngữ, trung tâm giáo dục kỹ năng sống..., nhằm đáp ứng nhu cầu học tập phong phú, đa dạng của cán bộ, công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả; ưu tiên lựa chọn đầu tư trọng điểm đối với Trường Cao đẳng Tuyên Quang nhằm từng bước đáp ứng tiêu chí, tiêu chuẩn trường chất lượng cao; thực hiện chức năng của trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao. Củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; đa dạng hóa ngành nghề, chương trình và hình thức đào tạo, đẩy mạnh các phương thức đào tạo linh hoạt như vừa làm vừa học, đào tạo từ xa, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, người lao động và nhân dân tham gia học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp.

- Khuyến khích và tạo điều kiện để học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học lên THPT và tương đương, đồng thời tăng cường định hướng phân luồng phù hợp với nhu cầu học tập và phát triển nghề nghiệp của người học.

6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong học tập

- Đẩy mạnh triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” nhằm thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số trong công tác xóa mù chữ xây dựng xã hội học tập. Tập trung ứng dụng công nghệ số trong điều tra, cập nhật dữ liệu người mù chữ, quản lý lớp học, biên soạn và chia sẻ học liệu điện tử; khuyến khích xây dựng các mô hình “Lớp học số cộng đồng”, “Góc học tập số”... tại cơ sở. Gắn kết chặt chẽ phong trào với việc triển khai các chương trình chuyển đổi số quốc gia, nhằm nâng cao năng lực số cho người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, người lớn tuổi, lao động nông thôn. Phấn đấu đến năm 2030, 100% người mới biết chữ có khả năng sử dụng thiết bị số phục vụ hiệu quả cho hoạt động học tập và sinh kế, góp phần củng cố vững chắc kết quả xóa mù chữ, phát triển văn hóa đọc và đẩy mạnh học tập suốt đời trong toàn xã hội.

- Ứng dụng chuyển đổi số để đồng bộ dữ liệu quản lý phổ cập giáo dục - xóa mù chữ liên thông với các nền tảng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, dữ liệu dân cư. Huy động đội ngũ giáo viên, đoàn viên, hội viên và lực lượng thanh niên tình nguyện tham gia dạy học, hướng dẫn người dân biết đọc, biết viết, biết sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ, người lớn tuổi, lao động nông thôn. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong công tác khuyến học, khuyến tài, đồng thời triển khai từng bước xây dựng “hồ sơ học tập suốt đời” cho công dân sau khi có hướng dẫn của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

- Các cơ sở giáo dục đẩy mạnh khai thác hạ tầng CNTT để ứng dụng trong việc tổ chức đào tạo từ xa, dạy học qua mạng internet. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT cho các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp

7. Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa, xây dựng xã hội học tập, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người được học tập suốt đời

- Tiếp tục ưu tiên hỗ trợ kinh phí để củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng cấp xã; tạo thuận lợi cho các trung tâm học tập cộng đồng tham gia hoạt động phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh, đào tạo nghề, nâng cao kỹ năng, xây dựng xã hội học tập thật sự hiệu quả.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, tạo điều kiện cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước đầu tư xây dựng trường, lớp, nhất là trường mầm non, nhà trẻ ngoài công lập tại khu vực có nhu cầu, khu đô thị đông dân cư, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

- Quan tâm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật nhằm bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục bình đẳng và duy trì bền vững kết quả phổ cập giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh.

- Hỗ trợ học nghề, tạo điều kiện cho học sinh tốt nghiệp THCS, THPT lựa chọn chương trình giáo dục phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong chuyển đổi giữa các chương trình giáo dục, học thường xuyên, học suốt đời, liên thông giữa các trình độ đào tạo giáo dục nghề nghiệp và cấp học cao hơn; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, khai thác có hiệu quả tài nguyên giáo dục mở góp phần phát triển nguồn nhân lực bền vững, tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí, cân đối trong dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập; nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và các nguồn vốn huy động, đóng góp hợp pháp theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, tổ chức, đoàn thể liên quan thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Tuyên truyền, triển khai các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện, hàng năm tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Kịp thời tham mưu, đề xuất những nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý dữ liệu về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh đảm bảo thống nhất, liên thông với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và dữ liệu về dân cư, đồng thời triển khai từng bước xây dựng “hồ sơ học tập suốt đời” cho công dân sau khi có hướng dẫn của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác phát triển về quy mô và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, dạy nghề theo các chương trình, kế hoạch của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện¹. Xây dựng, thực hiện kế hoạch phát triển các cơ sở dạy nghề; mở rộng các hình thức dạy nghề trong các doanh nghiệp, dạy nghề gắn với sản xuất ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên diện chính sách theo quy định. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mở rộng quy mô, đa dạng hoá các loại hình đào tạo nghề nhằm khuyến khích thanh thiếu niên tốt nghiệp THCS vào học nghề trình độ trung cấp theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích thanh niên tốt nghiệp THPT vào học nghề trình độ cao đẳng, đại học.

- Hằng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Tổ chức, chỉ đạo mở các lớp bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, nghề nghiệp cho người lao động tại các trung tâm học tập cộng đồng. Chỉ đạo các trường THCS, THPT tăng cường phối hợp với các trường cao đẳng, đại học để tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ vào các nhiệm vụ cụ thể được giao, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo khả năng cân đối của ngân sách và phân cấp quản lý hiện hành; hướng dẫn thực hiện công tác quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành của pháp luật.

- Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu phân bổ, lồng ghép vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã, phường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao số lượng người làm việc hằng năm và bổ sung biên chế giáo viên cho các cấp học sau khi được Ban Tổ chức Trung ương giao, bổ sung theo số lượng được Bộ Chính trị xác định tại Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 đảm bảo kịp thời, phù hợp để triển khai hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và đẩy mạnh phân luồng học sinh.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận viên chức; ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm theo quy định.

¹. Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn,...

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan xây dựng các chương trình, tài liệu liên quan đến nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Chỉ đạo, triển khai các chuyên đề thuộc lĩnh vực chuyên môn đáp ứng nhu cầu học tập của người dân.

- Chủ trì, phối hợp với Hội Nông dân tỉnh và các cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện việc hỗ trợ lao động nông thôn học tập suốt đời.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức nông nghiệp, nông thôn cho người lao động tại các xã, phường và các trung tâm học tập cộng đồng cấp xã.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Hằng năm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh định hướng đặt hàng nhiệm vụ Khoa học công nghệ nhằm góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đảm bảo thực hiện hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và đẩy mạnh phân luồng học sinh.

6. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy

Chỉ đạo, định hướng các cơ quan truyền thông, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh tuyên truyền về nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và tình hình thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 83-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; đồng thời chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng liên quan đến công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

Tích cực tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tham gia công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xoá mù chữ cho người lớn và đẩy mạnh phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông. Trong đó:

7.1. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

- Hướng dẫn công tác vận động, tuyên truyền tới từng chi Hội về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xoá mù chữ, phân luồng học sinh và xây dựng xã hội học tập; tích cực hưởng ứng phong trào quyên góp ủng hộ, phong trào giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập và lao động sản xuất, giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục đến trường.

- Tuyên truyền vận động phụ nữ, trẻ em gái chưa biết chữ tích cực tham gia các lớp xoá mù chữ, các lớp chuyên đề, các lớp giáo dục sức khỏe cộng đồng, giáo dục pháp luật tại các cơ sở giáo dục ở địa phương.

7.2. Tỉnh đoàn Tuyên Quang

- Hướng dẫn các tổ chức Đoàn cấp xã, cơ sở Đoàn trực thuộc làm tốt công tác tuyên truyền để đoàn viên, thanh, thiếu niên nhận thức rõ, đầy đủ nghĩa vụ và quyền lợi đối với công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh và xây dựng xã hội học tập.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức các phong trào, cuộc vận động hỗ trợ đoàn viên, thanh, thiếu niên có hoàn cảnh khó khăn được tiếp tục tham gia học tập, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

- Tăng cường phối hợp với các trường cao đẳng, đại học trong công tác tuyên truyền, tư vấn định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông.

7.3. Hội Khuyến học tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo lồng ghép các hoạt động tuyên truyền về công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh và xây dựng xã hội học tập thông qua mạng lưới khuyến học các cấp, Cổng thông tin điện tử và bản tin của Hội Khuyến học tỉnh.

- Chỉ đạo cấp Hội cơ sở phối hợp với ngành giáo dục và trung tâm học tập cộng đồng điều tra, theo dõi, nắm tình hình học tập của học sinh, học chuyên đề của các đối tượng ở các xóm, bản, tổ và có biện pháp giúp các địa phương thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh và xây dựng xã hội học tập.

- Hằng năm phối hợp thực hiện kiểm tra đánh giá xếp loại “Công dân học tập”, “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Đơn vị học tập”, “Cộng đồng học tập” theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam.

8. Trường Đại học Tân Trào, Trường Cao đẳng Tuyên Quang

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch phù hợp với chiến lược phát triển của nhà trường; lồng ghép các mục tiêu về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, phân luồng học sinh, phát triển giáo dục nghề nghiệp và xây dựng xã hội học tập vào chương trình, kế hoạch hằng năm và giai đoạn.

- Tổ chức hoạt động tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp, phân luồng học sinh THCS và THPT; cung cấp thông tin đầy đủ về ngành nghề đào tạo, nhu cầu nhân lực, cơ hội việc làm cho học sinh và cha mẹ học sinh.

- Đa dạng hóa ngành nghề và hình thức đào tạo; mở rộng các loại hình đào tạo linh hoạt (vừa làm vừa học, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo ngắn hạn, đào tạo từ xa), tạo điều kiện thuận lợi cho người học, nhất là người lao động ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa được tiếp cận giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và học tập suốt đời.

- Tăng cường liên kết với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trong tổ chức đào tạo gắn với thực hành, thực tập; đào tạo theo nhu cầu xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và khả năng có việc làm sau tốt nghiệp.

- Phát huy vai trò nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

9. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; đưa các chỉ tiêu về phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh và xây dựng xã hội học tập vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ theo quy định.

- Bố trí ngân sách phù hợp, đúng quy định cho phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, phân luồng học sinh và xây dựng xã hội học tập ở địa phương.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 17/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 20/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.

Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp*) kết quả thực hiện hằng năm trước ngày 25/12 hoặc báo cáo đột xuất theo quy định. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp*) chỉ đạo, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm TTHN tỉnh;
- Chuyên viên GD (Trà);
- Lưu: VT, VHXX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Ngọc Hà